

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực
giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao,
môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 76 /2019/QĐ-UBND
Ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: Giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa;

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

d) Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Các chính sách ưu đãi được thực hiện theo Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn trong lĩnh vực xã hội hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

Điều 3. Địa bàn ưu đãi xã hội hóa

1. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: huyện Nam Đông, huyện A Lưới, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

2. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc (trừ Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô), Phú Vang, thị xã Hương Trà; các khu công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ.

(Theo quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

3. Địa bàn Thành phố Huế, Thị xã Hương Thủy.

Điều 4. Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi xã hội hóa

Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi xã hội hóa là các lĩnh vực được khuyến khích đầu tư với mức ưu đãi cao hơn so với các lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa khác. Bao gồm các lĩnh vực:

1. Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo gồm: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; trường đại học.

2. Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm dạy nghề hoạt động theo Luật giáo dục nghề nghiệp.

3. Các dự án thuộc lĩnh vực y tế gồm:

a) Bệnh viện chuyên khoa;

b) Các cơ sở bảo trợ xã hội do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý;

c) Các cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; Xét nghiệm phát hiện HIV; Xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; Tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS;

d) Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy.

4. Các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, gồm: bảo tàng ngoài công lập; cơ sở điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; văn hóa cơ sở; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; thư viện.

5. Các dự án thuộc lĩnh vực thể thao, gồm: Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao năng khiếu và thành tích cao; sân thể thao; nhà tập luyện thể thao; bể bơi; cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao.

6. Các dự án thuộc lĩnh vực môi trường, gồm: Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải; cơ sở xử lý rác thải; cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế); cơ sở xử lý chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế); cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán; cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị; cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường; cơ sở hỏa táng; điện táng; cơ sở cung cấp nước sạch.

7. Các dự án thuộc lĩnh vực giám định tư pháp khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Chính sách hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào

Các dự án xã hội hóa xây dựng mới đáp ứng điều kiện tại Điều 2 Quy định này và thuộc danh mục dự án khuyến khích xã hội hóa ưu tiên kêu gọi đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành được hưởng các hỗ trợ đầu tư như sau:

1. Hỗ trợ công trình giao thông ngoài hàng rào bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phù hợp với quy hoạch được duyệt, quy mô đầu tư đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dự án của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các công trình điện, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư xây dựng đến công trình để bán trực tiếp cho các nhà đầu tư.

3. Hỗ trợ hoàn trả kinh phí rà phá bom mìn, vật nổ (nếu có) từ nguồn ngân sách của địa phương sau khi công trình xã hội hóa chính thức đưa vào sử dụng.

4. Đối với một số hạ tầng trong hàng rào, tỉnh sẽ xem xét mức hỗ trợ phù hợp tùy theo tính chất, quy mô của dự án từ nguồn ngân sách của địa phương.

Điều 6. Chính sách cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

1. Thực hiện theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu có nhu cầu thuê nhà, cơ sở vật chất do nhà nước đang quản lý thì giá cho thuê được tính bằng mức giá thuê tối thiểu được xác định theo nguyên tắc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản cho thuê; giá cho thuê được xác định trên cơ sở đánh giá lại tài sản theo quy định hiện hành về quản lý tài sản nhà nước.

Điều 7. Chính sách cho thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa.

Việc xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình xã hội hóa thực hiện theo Điểm 5 Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP

ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian hoạt động của dự án đối với:

- Các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi xã hội hóa quy định tại Điều 4 quy định này.

- Các công trình xã hội hóa trên địa bàn các xã thuộc huyện và thuộc các thị xã của tỉnh (trừ các xã thuộc địa bàn khu đô thị mới An Vân Dương).

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các thị trấn thuộc các huyện Nam Đông, A Lưới, thị trấn Lăng Cô thuộc khu Kinh tế Chân Mây-Lăng Cô.

3. Miễn tiền thuê đất có thời hạn đối với các dự án:

- Tại địa bàn các phường thuộc thành phố Huế, các phường thuộc thị xã Hương Thủy, địa bàn Khu đô thị mới An Vân Dương: Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, được miễn tiền thuê đất 20 năm.

- Tại địa bàn các phường thuộc thị xã Hương Trà, thị trấn thuộc các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang và Phú Lộc (ngoại trừ Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô): Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, được miễn tiền thuê đất 25 năm.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất với nhiều lĩnh vực và (hoặc) trên nhiều địa bàn khác nhau thì được hưởng chế độ miễn tiền thuê đất theo phần đất thuê của từng lĩnh vực và (hoặc) địa bàn tương ứng.

5. Các trường hợp không miễn tiền thuê đất

- Cơ sở thực hiện xã hội hoá trúng đấu giá thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Cơ sở thực hiện xã hội hoá trong quá trình hoạt động không thực hiện đúng quy định của nhà nước và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xã hội hoá.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa không muốn áp dụng chính sách ưu đãi cho thuê đất theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Quy định này.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ về ưu đãi tín dụng

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

2. Ưu tiên cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa vay vốn trung hạn và dài hạn từ Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế, mức vốn cho vay và lãi suất ưu đãi theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp chỉ vay vốn thương mại, cơ sở thực hiện xã hội hóa được hỗ trợ tiền chênh lệch lãi vay thương mại với lãi suất ưu đãi của Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định của Quỹ để đầu tư tài sản cố định thực hiện dự án với thời gian hỗ trợ không quá 5 năm đầu thực hiện dự án kể từ ngày bắt đầu giải ngân của hợp đồng tín dụng.

Điều 9. Chính sách lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn về hồ sơ, trình tự và thủ tục thuê nhà và cơ sở vật chất (không bao gồm đất) và thẩm định đơn giá cho thuê cơ sở vật chất đối với đơn vị xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Chủ trì rà soát, đề xuất phương án khai thác quỹ nhà đất công được giao quản lý và thực hiện công bố công khai theo quy định;

c) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan: Hướng dẫn về công tác quản lý tài chính đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa; thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cho thuê ưu đãi theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính;

d) Phối hợp với các sở chuyên ngành hướng dẫn chế độ, chính sách đối với người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

đ) Hướng dẫn các cơ sở ngoài công lập trong việc lập dự toán kinh phí, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Nhà nước;

e) Cân đối nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ các cơ sở thực hiện xã hội hóa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

g) Chủ trì trong việc công bố danh mục cơ sở vật chất cho thuê, thẩm định thủ tục, trình tự cho thuê cơ sở vật chất để thực hiện các dự án xã hội hóa.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn về hồ sơ, trình tự thủ tục cho thuê đất và bàn giao đất tại thực địa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

b) Hàng năm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng, trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xã hội hóa;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch Đầu tư trong việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án xã hội hóa theo qui định của pháp luật về đấu thầu;

d) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là đầu mối tổng hợp chung về các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh;

b) Căn cứ vào danh mục dự án xã hội hóa kêu gọi đầu tư của các ngành, các địa phương đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua và tổ chức công bố;

c) Chủ trì trong việc rà soát sửa đổi các danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi xã hội hóa và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp; làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo định kỳ 3 (ba năm) một lần theo quy định của Chính phủ;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ về đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư cho các cơ sở thực hiện hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án xã hội hóa theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Chủ trì thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xã hội hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo các quy định hiện hành;

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn lực thực hiện chính sách xã hội hóa liên quan đến hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, bồi thường, giải phóng mặt bằng; các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới để cho các cơ sở xã hội hóa thuê theo quy định của Luật Đầu tư công;

h) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, các sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để xác định và tổng hợp nhu cầu kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thực hiện dự án xã hội hóa và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì trong việc quản lý quy hoạch xây dựng; cấp phép xây dựng công trình xã hội hóa theo quy định;

b) Phối hợp thẩm định đơn giá cho thuê cơ sở vật chất đối với đơn vị xã hội hóa. Cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng liên quan đến các dự án xã hội hóa; Hướng dẫn các quy trình, hồ sơ thủ tục về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng có liên quan đến các dự án xã hội hóa;

c) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa.

5. Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế:

a) Hướng dẫn chính sách, thủ tục pháp luật về thuế. Định kỳ báo cáo tình hình ưu đãi về thuế, ưu đãi các khoản liên quan về đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

6. Các sở chuyên ngành quản lý lĩnh vực xã hội hóa (các sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động, Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa và thể thao, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp):

a) Là đầu mối tổng hợp, theo dõi các dự án thực hiện xã hội hóa, đề xuất cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực được giao quản lý cần phải sửa đổi, bổ sung gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trên cơ sở quy định này xây dựng danh mục dự án khuyến khích xã hội hóa cụ thể của ngành, (mỗi dự án bao gồm các thông tin: sự cần thiết kêu gọi xã hội hóa, nhu cầu sử dụng đất, dự kiến tổng mức đầu tư, lộ trình đầu tư, hình thức ưu đãi về đất đai, dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hỗ trợ khác...) gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước 31 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, bổ sung danh mục kêu gọi xã hội hóa của giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở cho việc kêu gọi đầu tư.

c) Hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

d) Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý. Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thủ tục thực hiện, kiểm tra giám sát hoạt động xã hội hóa;

đ) Xác định quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có thuộc nhà nước quản lý có đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới để cho các cơ sở xã hội hóa thuê trong từng trường hợp cụ thể;

e) Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa;

g) Định kỳ hàng quý, hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ chuyên ngành

theo quy định, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Cục Thống kê tỉnh để tổng hợp theo dõi;

h) Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động theo đúng thẩm quyền quy định;

i) Phối hợp với Cục thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với các sở liên quan xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho nhu cầu xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp;

b) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa.

d) Chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để cho nhà đầu tư thuê đất thực hiện các dự án xã hội hóa;

đ) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn.

e) Định kỳ hàng quý, hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và sở chuyên ngành quản lý lĩnh vực xã hội hóa để tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Ban quản lý các Khu Kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cho các nhà đầu tư thuê đất thực hiện xã hội hóa trong khu kinh tế, khu công nghiệp theo các chính sách tại quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực xã hội hóa, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Cục Thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả đối với các dự án xã hội hóa nằm trong khu kinh tế, khu công

nghiệp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa.

d) Định kỳ hàng quý, hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và sở chuyên ngành quản lý lĩnh vực xã hội hóa để tổng hợp, báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Ngân hàng phát triển Việt Nam chi nhánh Thừa Thiên Huế, Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế

Chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa lập hồ sơ, thủ tục để được hưởng ưu đãi tín dụng theo quy định.

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

Các dự án xã hội hóa đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được xử lý chuyển tiếp về chính sách ưu đãi như sau:

1. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư (quyết định chủ trương đầu tư) hưởng chính sách ưu đãi cao hơn chính sách ưu đãi tại Quyết định này thì dự án tiếp tục được hưởng theo các chính sách đó cho thời gian còn lại;

2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư (quyết định chủ trương đầu tư) hưởng chính sách ưu đãi thấp hơn chính sách ưu đãi tại Quyết định này thì được điều chỉnh theo Quyết định này cho thời gian còn lại;

3. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được Nhà nước giao đất mà được miễn tiền sử dụng đất hoặc được giảm tiền sử dụng đất và đã nộp phần tiền sử dụng đất không được giảm theo quy định tại pháp luật về khuyến khích xã hội hóa được thực hiện theo Khoản 2, Điều 2 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, các cơ sở thực hiện xã hội hóa và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có ý kiến bằng văn bản

về Sở Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Định kỳ 03 (ba) năm một lần, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát để sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương đảm bảo phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thiên Định